

SHB

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

A- THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển
- ❖ Ngành nghề hoạt động kinh doanh
- ❖ Địa bàn hoạt động kinh doanh
- ❖ Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Rủi ro



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB
Giấy chứng nhận ĐKKD	<ul style="list-style-type: none">Mã số: 5400213153Đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18/06/2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.
Vốn điều lệ	48.849.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 (theo BCTC đã kiểm toán)	29.194.280.974 VNĐ
Địa chỉ	Tổ 9 Phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Điện thoại	02183.854515/0916.023.638
Fax	
Website	http://www.ximangsongda.vn/
Mã cổ phiếu	SCC

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

Ngày tháng	Mốc phát triển quan trọng
Giai đoạn 1: Từ năm 1992 đến năm 2001	<ul style="list-style-type: none">- Sau khi công trình thủy điện Hòa Bình được xây dựng xong, để giải quyết nguồn nhân lực còn dôi dư hoặc không có điều kiện chuyển đi công tác nơi khác, lãnh đạo Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà quyết định xây dựng Nhà máy xi măng Sông Đà lò đứng với dây chuyền thiết bị, công nghệ nhập từ Trung Quốc, công suất thiết kế 8,2 vạn tấn xi măng/năm.- Nhà máy được chính thức khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 1993 với tổng diện tích đất đai là 35.333 m², trong đó diện tích nhà xưởng là 32.600 m², diện tích sân bãi là 2.733 m². Các phân xưởng được bố trí linh hoạt, phù hợp với diện tích đất đai và phù hợp với dây chuyền công nghệ. Đến tháng 10 năm 1994, nhà máy được xây dựng xong và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Dây chuyền thiết bị tương đối hoàn chỉnh và hiện đại kể từ khâu nghiền sấy phối liệu cho đến khâu đóng bao xi măng.- Địa hình nơi Nhà máy xây dựng có nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Một bên Nhà máy nằm sát Sông Đà thuận tiện cho giao thông đường thủy, một bên Nhà máy nằm gần với Quốc lộ 6 thuận tiện cho việc vận chuyển, chuyên chở bằng đường bộ.- Nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sẵn có ở địa phương như đá vôi, đất sét và nguồn nhân lực...- Sau gần một năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm xi măng của đơn vị đã được Tổng cục đo lường chất lượng chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và sản phẩm đã được đưa vào xây dựng các công trình dân dụng, một số các công trình trọng điểm tại địa phương. Tuy bước đầu Nhà máy còn gặp nhiều khó khăn về sản xuất và địa bàn tiêu thụ sản phẩm song với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ và tay nghề được đào tạo thường xuyên kết hợp với sự ủng hộ của Tổng công ty Sông Đà, công suất máy móc thiết bị ngày càng được nâng cao, chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định và sản phẩm của đơn vị đã chiếm được phần lớn thị trường khu vực Tây Bắc, khu vực Hà Nội, Hà Tây.- Đến tháng 6 năm 1996, sản phẩm của đơn vị tiếp tục được cấp dấu chất lượng hợp chuẩn và công suất thực tế đã khai thác đạt khoảng 80% so với công suất thiết kế. Tháng 3 năm 1998, sản phẩm của Nhà máy đạt Huy chương Bạc về chất lượng xi măng quốc gia, đạt 100% công suất thiết kế và tiêu thụ. Năm

	<p>2000, Tổng công ty Sông Đà giao kế hoạch sản xuất và tiêu thụ 75.000 tấn xi măng/năm, thực tế đã sản xuất và tiêu thụ đạt 85.000 tấn.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 10 năm 2001, Nhà máy được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000. Hiện nay, Công ty vẫn duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng này và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ngày càng phù hợp. Năm 2001, 100% sản phẩm của Nhà máy sản xuất ra đều đạt tiêu chuẩn quốc gia và được khách hàng tín nhiệm. Mẫu mã, bao bì được cải tiến phù hợp với thị hiếu của khách hàng. Năm 2001, Nhà máy đã sản xuất và tiêu thụ đạt 89.000 tấn xi măng.
<p>Giai đoạn 2: từ năm 2002 đến nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc chuyển các doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần (theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 18/6/2002 của Chính phủ), Nhà máy Xi măng Sông Đà là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà đã trở thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1461/QĐ/BXD ngày 01/11/2002 với số vốn Điều lệ khi thành lập là 17 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty Sông Đà giữ cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ 52,7%). Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở máy móc, dây chuyền thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực hiện có. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng và độc lập về tài sản, có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. - Năm 2002, kế hoạch sản xuất và tiêu thụ đạt ra là 90.000 tấn xi măng/ năm, thực tế đã sản xuất và tiêu thụ 110.000 tấn, đạt 122% so với kế hoạch và đạt 134% so với công suất thiết kế. Từ năm 2003 cho đến nay, sản lượng sản xuất và tiêu thụ luôn được giữ vững, đạt từ 100.000 tấn đến 110.000 tấn/ năm. - Năm 2005, Công ty cổ phần xi măng Sông Đà đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng III cho những đóng góp của đơn vị trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. - Năm 2016 Công ty đổi tên thành Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình. - Vốn điều lệ của Công ty duy trì ở mức 19,8 tỷ đồng cho đến thời điểm tháng 6/2020 Công ty đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đầu tiên cho nhà đầu tư chiến lược với tổng giá trị gần 29 tỷ đồng. Do đó vốn điều lệ công ty đã tăng từ 19,8 tỷ đồng lên 48,85 tỷ đồng giúp cho Công ty có đủ nguồn vốn để thực hiện các phương án đầu tư, kinh doanh thương mại.

N. S. H. S.

	- Tháng 12/2020 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB, đồng thời tiến hành nhiều thay đổi quan trọng trong bộ máy tổ chức quản lý, cũng như hệ thống sản xuất kinh doanh.
--	--

3. NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp lần thứ 12 ngày 18/06/2021, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

STT	Tên ngành/ Nội dung
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm liên quan : Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
2	Bán buôn tổng hợp.
3	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
4	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây nông nghiệp.
5	Chăn nuôi gia cầm và sản xuất gia cầm
6	Khai thác gỗ
7	Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ, chi tiết: + Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
8	Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ, chi tiết: + Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
10	Khai thác và thu gom than cứng
11	Khai thác và thu gom than non
12	Khai thác quặng sắt
13	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm), chi tiết: + Khai thác quặng uranium và quặng thorium
14	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm) Chi tiết: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (Bao gồm cả thăm dò khoáng sản)
16	Đại lý du lịch
17	Điều hành tua du lịch
18	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá tổ chức tua du lịch

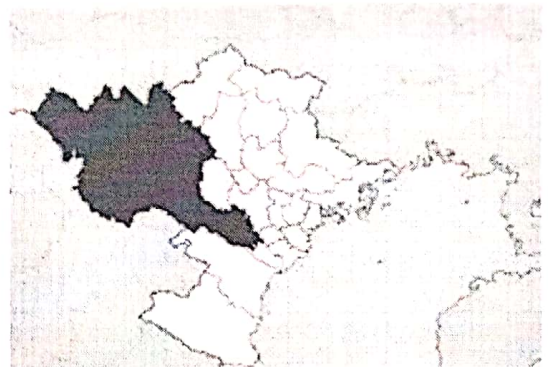
19	Bán buôn thực phẩm
20	Bán buôn đồ uống
21	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)
22	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
23	Bán lẻ ô tô con (Loại 9 chỗ trở xuống)
24	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
25	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe động cơ khác
26	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
27	Bán mô tô, xe máy
28	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
30	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
31	Xây dựng công trình đường sắt
32	Xây dựng công trình đường bộ
33	Xây dựng công trình thủy
34	Xây dựng công trình khai khoáng
35	Xây dựng các công trình điện
36	Xây dựng các công trình viễn thông, thông tin liên lạc
37	Phá dỡ mặt bằng.
38	Chuẩn bị mặt bằng
39	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đồ ngũ kim, sơn, kính
40	Xây dựng các công trình chế biến, chế tạo.
41	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi điều hoà không khí.
42	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
43	Cho thuê xe có động cơ
44	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.
45	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
46	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
47	Sản xuất bao bì bằng gỗ
48	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
49	Bán buôn gạo
50	Bán buôn nông, lâm, hải sản và động vật sống

51	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự
52	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
53	Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh:
54	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
56	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
57	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Bao gồm cả sản xuất gạch không nung)
58	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa phân vào đâu.
59	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.
60	Bốc xếp hàng hoá.
61	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
62	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp (khi có đủ điều kiện được nhà nước cho phép)
63	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở
64	Vận tải hàng hóa bằng đường
65	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
66	Khai thác khoáng chưa được phân vào đâu: Chi tiết: khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng
67	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: sản xuất bao bì bằng giấy (vỏ bao xi măng)
68	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: sản xuất xi măng

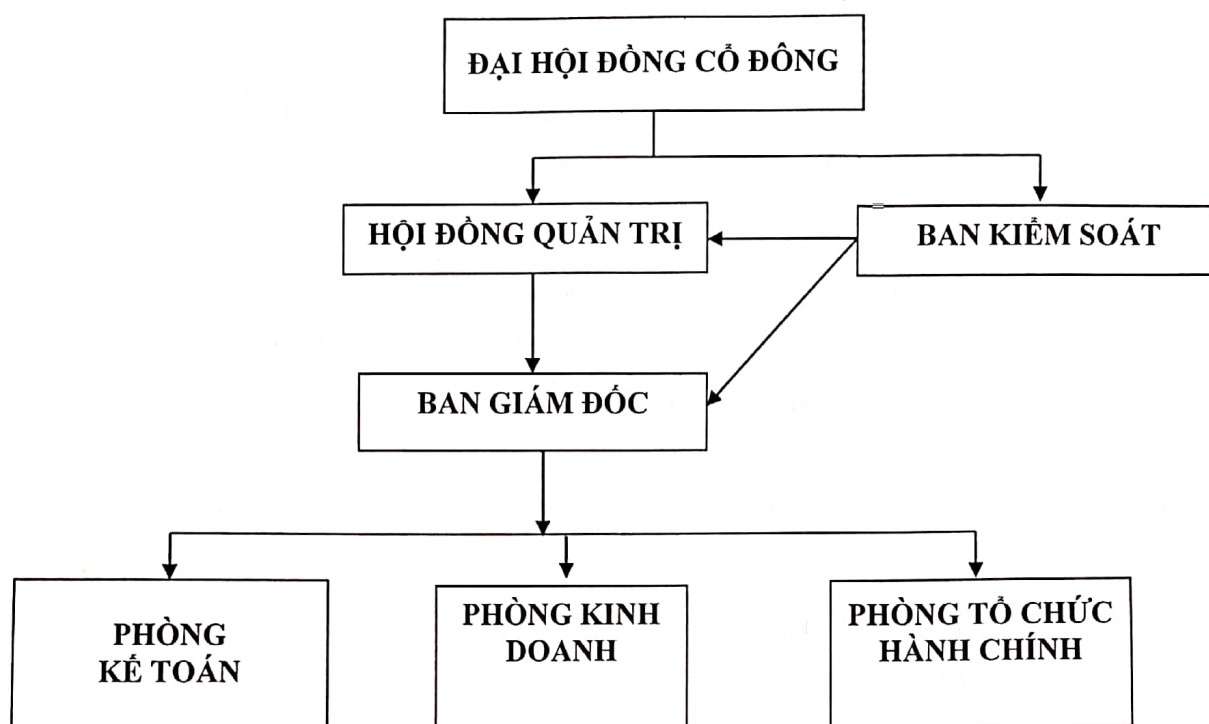
4. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh ở địa bàn kinh doanh chính là: Điện Biên, Phú Thọ, Tây Bắc Bộ,

Hòa Bình, Hải Phòng.



5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

6.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thông qua mở rộng hình thức sở hữu và huy động vốn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến.
- Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

✓ Về phát triển kinh doanh

Trong thời gian trước mắt cũng như về lâu dài, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện những chiến lược phát triển đã vạch ra:

- Phát triển và nâng cao năng lực của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng thương mại SHB; kinh doanh các mặt hàng

đá xây dựng, cát nhân tạo, vật liệu xây dựng xi măng, đồng thời mở rộng và phát triển thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới có nhiều tiềm năng.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

✓ Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

✓ Các hoạt động khác

- Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.
- Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...
- Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

7. RỦI RO

7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB nói riêng. Do vậy, Công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Tăng trưởng kinh tế thế giới

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2021 đạt 5,9%, giảm 0,1% so với mức đưa ra hồi tháng 07. Đây là mức phục hồi kinh tế hậu khủng hoảng tốt nhất trong hơn 80 năm qua. Tuy nhiên, sự phục hồi kinh tế được dự báo là không đồng đều và phần lớn chỉ ở một số nền kinh tế phát triển. Tại nhiều thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDE), nơi gặp nhiều trở ngại do tỉ lệ tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 còn thấp, các hoạt động kinh tế đang chịu rất nhiều sức ép. Thương mại toàn cầu gặp khủng hoảng nghiêm trọng do việc nhiều chuỗi cung ứng hàng hóa thiết yếu bị đứt đoạn khi đại dịch chưa được kiểm soát. Hệ lụy của nó là việc giá hàng hóa tăng cao trong thời gian dài. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế thế giới công bố ngày 25/1, IMF thông báo rằng nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng 4,4% trong năm 2022. Nhìn chung, nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn phục hồi sau khủng hoảng với các chỉ số tăng trưởng khả quan, tuy nhiên sự phục hồi diễn ra không đồng đều giữa các khu vực có thể dẫn đến vấn đề ngày càng gia tăng sự chênh lệch về kinh tế và gây ra triển vọng không mấy sáng sủa tại các nước đang phát triển. Cùng với đó, sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu cũng đang phải đối mặt với nguy cơ lạm phát tăng cao trong các năm tiếp theo.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định triển vọng phục hồi nền kinh tế thế giới đã được cải thiện, dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm 2021 là 5,6% và năm 2022 là 4,5%. Tuy nhiên, Tổng Thư ký OECD Mathias Cormann nhấn mạnh sự phục hồi này vẫn không đồng đều, đem đến nguy cơ cho cả các nền kinh tế phát triển và các thị trường mới nổi. Mặc khác, tốc độ tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19 chậm chạp tại một số nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là các nước thu nhập thấp là một vấn đề toàn cầu. Cho dù sự bình thường đã trở lại một cách rõ nét, nhưng hệ lụy của cuộc khủng hoảng dịch bệnh giai đoạn 2020-2021 đã để lại những vết sẹo sâu và do vậy, quỹ đạo kinh tế trong tương lai của các nước OECD sẽ vẫn bị ảnh hưởng mạnh.

Tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế Fitch Ratings (FR) dự báo GDP thế giới sẽ tăng 6,0% vào năm 2021, điều chỉnh giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo của tổ chức này trong tháng 6/2021. Năm 2022, tổ chức này đưa ra dự báo tăng trưởng GDP thế giới ở mức 3,5%.

Trong khu vực Đông Nam Á, Ngân hàng Phát triển châu Á nhận định tăng trưởng năm 2022 của Indonexia đạt 5,0%, Philippines đạt 6%, Thái Lan đạt 4%, Singapore đạt 4,1%, Malaysia đạt 5,9% và cao nhất là Việt Nam ở mức 6,5%.

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty...

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Đối với Việt Nam, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội. Trong bối cảnh đó, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội” nền kinh tế Việt Nam đã ngược dòng thành công. Tuy tăng trưởng kinh tế 2021 chỉ đạt 2,58%, giảm 0,37% so với năm 2020, thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu đề ra của năm 2021 là 6,5% và cũng là mức tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong hơn 30 năm vừa qua nhưng với thực tế phải gánh chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID - 19 trong quý III/2021 kéo nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng âm 6,02%, thì việc về đích với mức tăng trưởng này cũng là rất khả quan.

Trong bức tranh kinh tế chung năm 2021 của Việt Nam, khu vực nông nghiệp tiếp tục phát huy vai trò “bệ đỡ” cho sự tăng trưởng. Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì được mức tăng trưởng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Đặc biệt, sự phát triển của khu vực nông nghiệp, đã góp phần quan trọng cho xuất khẩu nông sản năm 2021, đạt 48,6 tỷ USD (tăng 14,9% so với năm 2020), phá vỡ mọi kỷ lục trước đó. Năm 2021, tiếp tục có 10 nhóm hàng chủ lực của ngành Nông nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD. Trong số hàng này, có tới 6 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 3 tỷ USD.

Cùng với ngành Nông nghiệp, kim ngạch xuất, nhập khẩu chung của Việt Nam cũng đạt mức kỷ lục mới. Tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 336,25 tỷ USD (tăng 19% so với năm 2020), kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 332,25 tỷ USD (tăng 26,5% so với năm 2020), tiếp tục là điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Cùng với việc tháng 12 xuất siêu đạt 1,5 tỷ USD, đã giúp cho kim ngạch ngoại thương của Việt Nam trong năm 2021 có sự đảo chiều ngoạn mục, xuất siêu cả năm đạt 4 tỷ USD. Điểm sáng của ngoại thương năm 2021 là kết quả từ sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch, đồng thời cũng là kết quả của sự nắm bắt thời cơ từ các Hiệp định thương mại (FTA) được các doanh nghiệp Việt Nam tận dụng có hiệu quả

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Khu vực dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự bùng phát trở lại của dịch Covid-19 từ cuối

tháng 4/2021. Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực kinh tế này. Cụ thể, năm 2021, khu vực dịch vụ chỉ tăng 1,22%, đóng góp 22,33%. Trong đó, ngành bán buôn, bán lẻ giảm 0,21% so với năm 2020, làm giảm 0,02 điểm phần trăm tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 5,02%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh 20,81%, làm giảm 0,51 điểm phần trăm.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%. Như vậy, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới đang đối mặt với thách thức lạm phát thì Việt Nam vẫn đang tạm thời kiểm soát tốt vấn đề này bằng các chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp.

Về triển vọng phát triển kinh tế năm 2022, dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín (WB, IMF, ADB...) đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng, chuyển hướng tiếp cận linh hoạt hơn trong kiểm soát đại dịch, thương mại tiếp tục mở rộng và chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính Phủ (ERDP).

Ngày 11/1, Quốc hội đã phê chuẩn gói giải pháp tài khóa và tiền tệ, ước tính lên đến 15 tỷ đô la để triển khai Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế (ERDP) trong năm 2022 và 2023. Các giải pháp tài khóa của chương trình như chính sách miễn, giảm thuế, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, phát triển cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội; và hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp và các hộ kinh doanh sẽ giúp tăng thanh khoản cho nền kinh tế, gia tăng đầu tư công, kích cầu nội địa. Các doanh nghiệp có hạ tầng tài sản tốt, nguồn lực nhân sự mạnh, tình hình tài chính minh bạch và hoạt động kinh doanh ổn định có thể dễ dàng tiếp cận hơn với nguồn tài chính với chi phí thấp để phục hồi và phát triển hiệu quả.

Thị trường lao động phục hồi và các biện pháp kích cầu khác sẽ thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp ở mức 9,5% vào năm 2022 theo dự báo, đóng góp 3,6 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP. Sản lượng nông nghiệp được dự báo sẽ tăng 3,5% trong năm nay, đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP nhờ sự phục hồi của cầu nội địa và giá hàng hóa toàn cầu tăng. Các chính sách tái mở cửa du lịch được Chính phủ thực hiện và dự kiến dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát đại dịch sẽ thúc đẩy lĩnh vực dịch vụ, với dự báo tăng 5,5%, đóng góp 2,3 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP trong năm nay.

Những tín hiệu phục hồi và ổn định của nền Kinh tế - Xã hội cùng với việc đầu tư hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư đã giúp Việt Nam ngày càng trở nên hấp dẫn hơn với các nhà đầu tư nước ngoài. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) sẽ tiếp tục là dòng vốn đặc biệt quan trọng cho

tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần bổ sung vốn, công nghệ, năng lực quản lý, khả năng kinh doanh, khả năng tổ chức và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tuy nhiên, bên cạnh những dự báo tích cực, nền kinh tế Việt Nam vẫn phải đối diện nhiều khó khăn, đặc biệt khi dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề cần giải quyết cũng như những tác động chưa thể lường trước của bối cảnh chung của kinh tế thế giới rất cần các giải pháp kịp thời, căn cơ để giải quyết các vấn đề phát sinh để kinh tế Việt Nam có thể đạt được tăng trưởng như kỳ vọng trong năm tới. Nền kinh tế Việt Nam năm 2022 có thể sẽ phát triển theo 1 trong 2 kịch bản. Nếu nước ta thực hiện tốt Chương trình phòng, chống dịch và Chương trình phục hồi, phát triển Kinh tế - Xã hội 2022-2023 thì lĩnh vực kinh tế có thể tăng trưởng 6,5-7,0% (khả năng cao). Còn nếu Việt Nam phòng, chống dịch thiếu nhất quán và chậm triển khai Chương trình phục hồi, phát triển Kinh tế - Xã hội thì GDP có thể chỉ tăng 5,0-5,5%. Do đó, để trở lại quỹ đạo tăng trưởng, Việt Nam cần thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế bền vững vừa đủ liều lượng, vừa trúng mục tiêu và với thể chế thực thi hiệu quả.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là chỉ báo quan trọng để Công ty đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ. Chính vì thế, hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây gắn liền với nhu cầu của thị trường.

7.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2021, nhiều chính sách liên quan đến lĩnh vực đất đai có hiệu lực. Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14), với nhiều điểm mới (như: Bổ sung công trình được miễn giấy phép (Khoản 30 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung 2020), theo đó: công trình quảng cáo; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động... được miễn giấy phép; thời gian cấp giấy phép được rút ngắn 10 ngày so với quy định Luật Xây dựng năm 2014 (điểm b Khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020), theo đó thời gian cấp giấy phép chỉ còn trong thời gian 20 ngày;

Bỏ quy định về đủ vốn khi khởi công xây dựng (Khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung 2020), không còn quy định điều kiện về bố trí đủ vốn theo tiến độ xây dựng công trình; Quy định cụ thể một số dự án phải đánh giá tác động môi trường (Khoản 11 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020), luật mới đã bổ sung quy định đánh giá sơ bộ tác động môi trường khi lập dự án đầu tư xây dựng; Tăng cường phân cấp trong thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng (điểm c Khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung 2020), theo đó UBND cấp tỉnh có thẩm

quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt thay vì Bộ Xây dựng như quy định trước đây, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2020).

Cũng tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư 2020 (Luật số 61/2020/QH14), với nhiều điểm mới, như: Thống nhất việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở, khu đô thị, dự án bất động sản thực hiện theo trình tự thủ tục của pháp luật về đầu tư;

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở 2014, Luật Kinh doanh BĐS 2014, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp... và kết hợp với Luật Xây dựng (sửa đổi) đã đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến việc chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở, BĐS).

Ngoài ra, một số chính sách khác được sửa đổi, bổ sung có nhiều tác động cho thị trường BĐS, như: Nghị định số 25/2020/NĐ-CP đã tháo gỡ được điểm nghẽn của các dự án BĐS về thủ tục giao đất cho nhà đầu tư trúng đấu thầu; Nghị định số 68/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

Nghị quyết 164/NQ-CP (áp dụng đến khi Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực 01/01/2021); Trong đó, các dự án chỉ thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014 hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Nhà ở năm 2014 mà không phải thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư theo quy định của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, với nhiều quy định mới.

Để kịp thời dự báo, ứng phó cũng như giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất đối với những thay đổi trong chính sách về luật, SCC có bộ phận pháp lý trực thuộc Ban thư ký Hội Đồng Quản Trị thường xuyên theo dõi, cập nhật những biến động luật pháp để kịp thời tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo có thể tận dụng tối ưu những điều kiện pháp lý có lợi và giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty được đưa ra.

7.3. Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro đặc thù trong ngành khai khoáng

Năm 2021, tiếp tục chịu ảnh hưởng đại dịch Covid - 19: Các hoạt động khai thác khoáng sản bị gián đoạn sản xuất do nhân sự và nguồn cầu trên thị trường giảm chung. Ngành khai khoáng giảm sâu chủ yếu do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm mạnh. Cụ thể: Ngành khai khoáng giảm 6,21% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 5,7% và khí đốt tự nhiên giảm 19,4%).

Tính chung cả năm, trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, sản xuất công nghiệp

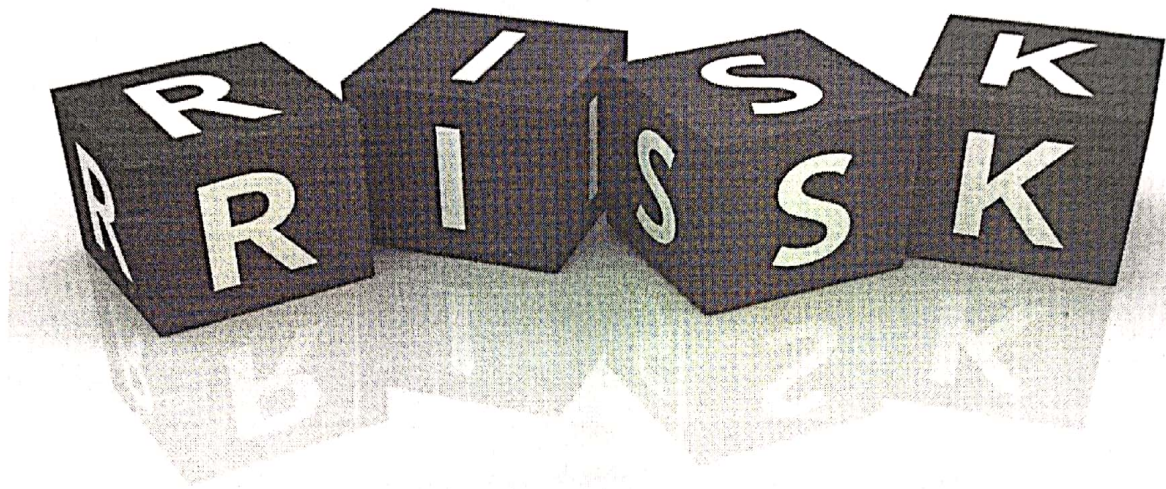
ước tính tăng 4,82% so với năm 2020 (quý I tăng 6,44%; quý II tăng 11,18%; quý III giảm 4,4%; quý IV tăng 6,52%), đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản đã đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam. Trung bình mỗi năm ngành khai khoáng cung cấp trên 100 triệu tấn xi măng đá vôi, trên 70 triệu m³ vật liệu xây dựng thông thường, gần 100 triệu m³ cát xây dựng và cát san lấp, trên 40 triệu tấn than sạch, trên 3 triệu tấn quặng sắt đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu khoáng cho các ngành công nghiệp khác. Tuy nhiên, hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam đã và đang xảy ra một số vấn đề ảnh hưởng đến nhiều mặt kinh tế – xã hội. Khai thác khoáng sản là một trong những nguyên nhân gây ra các vấn đề môi trường nghiêm trọng, bao gồm xói mòn, sạt lở đất, mất đa dạng sinh học, ô nhiễm đất, nước ngầm và nước mặt do hóa chất sử dụng trong chế biến quặng. Hoạt động khai thác ô nhiễm, thiếu quy hoạch cũng là nguyên nhân trực tiếp góp phần làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản của Việt Nam.

Những chỉ tiêu kinh tế và thực trạng nêu trên cũng có tác động trực tiếp đến việc kinh doanh các mặt hàng đất, cát.. của Công ty.

b) Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Những biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường có thể gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc biến động giá có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như quy luật cung- cầu trên thị trường, tâm lý sợ hãi và tham lam của các nhà đầu tư, những thông tin không chắc chắn và những biến động giá từ thị trường quốc tế, hay do chính bản thân doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ... Những điều này có thể làm cho giá cổ phiếu của doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, làm doanh nghiệp khó huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp luôn hỗ trợ nhà đầu tư bằng việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời, nhằm giúp nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất dựa trên kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.



137
GT
HẤP
LIDA
B
T.H.C

B- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

- ❖ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tổ chức và nhân sự**
- ❖ **Tình hình đầu tư, tình hình thực các dự án**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
- ❖ **Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội**

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.524.259.590
2	Các khoản giảm trừ	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.524.259.590
4	Giá vốn hàng bán	10.023.302.883
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.500.956.707
6	Doanh thu hoạt động tài chính	282.175
7	Chi phí tài chính	43.879.161
8	Chi phí bán hàng	2.982.597.063
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.505.612.516
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.969.150.142
11	Thu nhập khác	550.278
12	Chi phí khác	43.150.012
13	Lợi nhuận khác	(42.599.734)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.926.550.408
15	Thuế TNDN	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.926.550.408
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	402

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2021)

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Anh Anh	Tổng giám đốc Công ty
3	Nguyễn Tự Hào	Thành viên HĐQT
4	Dương Đình Khôi	Thành viên HĐQT
5	Phạm Thanh Dung	Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Văn Hưng - Chủ tịch HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/02/1972
Nơi sinh	Dương Xuân, Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	01/TT4, dự án Hải Đăng City, tdp 11, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	01/TT4, dự án Hải Đăng City, tdp 11, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
CMND	<ul style="list-style-type: none">Số: 040402899Ngày cấp: 22/11/2013Nơi cấp: CA tỉnh Điện Biên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.
Số cổ phần nắm giữ	Tổng: 0 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ.

	<ul style="list-style-type: none"> Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	44.000 cổ phiếu, chiếm 0,9 % vốn điều lệ.

• Ông Trần Anh Anh – Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	08/07/1984
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lâm Động, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Chỗ ở hiện tại	Số 1, tổ 14, phường Phương Lâm, TP. Hoà Bình
Thẻ căn cước công dân	031084012972
Trình độ chuyên môn	Giám đốc kinh doanh (CCO)
Chức vụ hiện nay	Tổng GD Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

• Ông Nguyễn Tự Hào – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/06/1974
Nơi sinh	Lại Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lại Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Chỗ ở hiện tại	Tổ 9, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa

	Bình
Thẻ căn cước công dân	31074001549
Trình độ chuyên môn	Giám đốc kinh doanh (CCO)
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 44.000 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 44.000 cổ phiếu, chiếm 0,9 % vốn điều lệ. Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

• Ông Dương Đình Khôi - Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/07/1987
Nơi sinh	Xuân Phương, Phú Bình, Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	KHC9, Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Thẻ căn cước công dân	025087000209
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kiểm toán Chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 0 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

• Bà Phạm Thanh Dung – Kế toán trưởng

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/10/1992
Nơi sinh	Tỉnh Điện Biên
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Hồng Việt, Đông Hưng, Thái Bình.
CMND	040414925 cấp ngày 07/07/2011 do Công an tỉnh Điện Biên cấp.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 0 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 08/06/2021, Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Phan Minh Tuấn đồng thời bổ nhiệm mới Tổng Giám đốc Trần Anh Anh

3. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Tiêu chí	Giá trị
Số lượng nhân sự đến 31/12/2021	9 người

- Chế độ làm việc:

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách đào tạo:**

Do yêu cầu vận hành các dây chuyền kỹ thuật mới trong xây dựng nên vấn đề đào tạo và đào tạo lại được Công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Trong công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường đại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

- **Chính sách lương thưởng vào phúc lợi:**

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

- **Chính sách trợ cấp:**

Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;

Trợ cấp thôi việc theo Luật hiện hành và Công ty cũng trợ cấp thêm tiền ngoài Luật

- **Các chính sách khác:**

Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

4.1 Các dự án đầu tư lớn trong năm 2021

5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5.1 Tình hình tài chính Công ty

(Đơn vị tính : Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	41.301.898.348	36.350.971.599	88,01%
Doanh thu thuần	51.504.473.233	17.524.259.590	34,02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.733.766.272	1.969.150.142	52,74%
Lợi nhuận khác	(61.546.751)	(42.599.734)	69,22%
Lợi nhuận trước thuế	3.672.219.521	1.926.550.408	52,46%
Lợi nhuận sau thuế	3.672.219.521	1.926.550.408	52,46%

(Số liệu lấy từ BCTC năm 2021 đã kiểm toán)

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021 (BCTC)	Năm 2020 (BCTC)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	4,59	2,54
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH	Lần	4,58	2,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,20	0,34
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,25	0,50
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng	88,73	4,74
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,45	1,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,99	7,13
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	6,82	33,67
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	4,96	10,08
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	11,24	7,25

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2021 cho thấy:

Năm 2021, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều tăng mạnh cho thấy tình hình cân đối tài

chính của Công ty đã được cải thiện rõ rệt. Cùng với đó hệ số cơ cấu vốn đều giảm thể hiện rõ chủ trương an toàn vốn trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 hoành hành.

Trong năm 2021, Công ty thực hiện cơ cấu hoạt động kinh doanh theo định hướng giảm về lượng tăng về chất, đẩy nhanh tính luân chuyển trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó dù tổng doanh thu giảm mạnh so với 2020 nhưng các chỉ tiêu về lợi nhuận, vòng quay hàng tồn kho đều tăng. Đây có thể được coi là chính sách phù hợp với tình hình môi trường kinh doanh năm vừa qua, nhằm hạn chế tối đa nhất các rủi ro với tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, với định hướng kinh doanh này, Công ty cũng tạo ra một nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo.

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

6.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 4.792.500 cổ phần. Trong đó:

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 4.792.500 cổ phần.

Số cổ phiếu quỹ : 92.400 cổ phần

6.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Danh mục	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	504	4.756.800	47.568.000.000	97,38%
	Cổ đông tổ chức	8	1.207.220	12.072.200.000	24,71%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	2	32.140	321.400.000	0,66%
2	Cổ đông cá nhân	496	3.549.580	35.495.800.000	72,67%
II	Cổ đông nước ngoài	26	35.700	357.000.000	0,73%
	Cổ đông tổ chức	1	5.900	59.000.000	0,12%
	Cổ đông cá nhân	25	29.800	298.000.000	0,61%
III	Cổ phiếu quỹ		92.400	924.000.000	1,89%
	Tổng cộng	530	4.884.900	48.849.000.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1.	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	031361494	Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng	1.917.300	39,25%
2.	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TU THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH ĐIỆN BIÊN	5600252488	Bản Na Thìn, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	1.082.500	22,16%
3.	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	040830712	Phường Mường Thanh, TP Điện Biên, tỉnh Điện Biên	900.000	18,42%
Tổng cộng				3.899.800	79,83%

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2021 Công ty có tổ chức họp ĐHCĐ bất thường về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhưng chưa hoàn thiện nên vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ: 92.400 cổ phiếu. Dự kiến sẽ bán số cổ phiếu này cho cán bộ nhân viên, ban điều hành Công ty trong năm 2022 theo sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.

7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

7.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

7.3. Tiêu thụ nước:

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh.

7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

7.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

C- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- ❖ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021 (BCTC kiểm toán)	Năm 2020 (BCTC kiểm toán)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1. Doanh thu thuần	17.524.259.590	51.504.473.233	34,02%
2. Giá vốn hàng bán	10.023.302.883	44.111.342.955	22,72%
3. Lợi nhuận gộp	7.500.956.707	7.393.130.278	101,46%
4. Doanh thu tài chính	282.175	776.598	36,33%
5. Chi phí tài chính	43.879.161	29.424.561	149,12%
6. Chi phí bán hàng	2.982.597.063	2.022.949.465	147,44%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.505.612.516	1.607.766.578	155,84%
8. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	1.969.150.142	3.733.766.272	52,74%
9. Lợi nhuận khác	-42.599.734	(61.546.751)	69,22%
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.926.550.408	3.672.219.521	52,46%
11. Thuế TNDN hiện hành	0	0	
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.926.550.408	3.672.219.521	52,46%
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	402	1.026	39,17%

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021)

Năm 2021, là năm thứ hai liên tiếp công ty hoạt động hiệu quả và có lợi nhuận. Dù không đạt được kế hoạch đã đặt ra trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2021, tuy nhiên với tình hình khó khăn đã diễn ra trong suốt 01 năm vừa qua, HĐQT đã rất nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh và tạo công ăn việc làm cho nhiều cán bộ nhân viên. Áp lực về lỗ các năm triển miên, HĐQT cũng đã luôn tìm thêm các cơ hội từ các nhà đầu tư để gia tăng các lĩnh vực sản xuất mới. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng thêm địa bàn kinh doanh và tích cực tìm thêm các khách hàng tiềm năng trải rộng khắp nước để gia tăng lợi nhuận.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
A. Tài sản ngắn hạn	31.447.742.910	34.738.666.236
I. Tiền	102.318.187	226.632.228
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	31.134.337.976	33.776.393.560
IV. Hàng tồn kho	61.134.464	164.798.197
V. Tài sản ngắn hạn khác	149.952.283	570.842.251
B. Tài sản dài hạn	4.903.228.689	6.563.232.112
I. Tài sản dở dang dài hạn	150.294.545	0
II. Tài sản cố định	2.750.021.244	3.433.134.528
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	1.502.912.900	2.630.097.584
Tổng tài sản	36.350.971.599	41.301.898.348

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021)

Tình hình tài sản Công ty trong năm chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 86,51% so với quy mô tổng tài sản của toàn Công ty. Tài sản ngắn hạn năm nay của Công ty giảm ở hầu hết các chỉ tiêu nhưng chủ yếu từ giảm công nợ phải thu. Trong năm, Công ty cũng không thực hiện đầu tư hạng mục tài sản nào lớn, tổng tài sản dài hạn giảm chủ yếu do khấu hao và việc thanh lý một số tài sản dài hạn khác nhằm thu nguồn tài chính, cơ cấu lại nợ phải trả, giảm thiểu rủi ro tài chính trong tình hình dịch bệnh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2021 <i>(BCTC đã kiểm toán)</i>	Năm 2020 <i>(BCTC đã kiểm toán)</i>	Tăng giảm <i>(+/-%)</i>
A.Nợ phải trả	7.156.690.625	14.034.167.782	-49%
I.Nợ ngắn hạn	6.853.119.198	13.653.215.402	-49,8%
II.Nợ dài hạn	303.571.427	380.952.380	-20,31%
B.Vốn chủ sở hữu	29.194.280.974	27.267.730.566	7,06 %
Tổng nguồn vốn	36.350.971.599	41.301.898.348	-11,98%

(Số liệu lấy từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021)

Trong năm 2021, bằng các biện pháp thanh lý tài sản không hiệu quả, tăng cường công tác thu hồi công nợ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty đã thực hiện cơ cấu giảm công nợ phải trả qua đó giảm áp lực, rủi ro tài chính của Công ty trong giai đoạn dịch bệnh. Tạo ra nền tảng vững chắc cho phục hồi và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tiếp theo.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022

3.1. Chiến lược phát triển nâng cao năng lực Công ty

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh, phạm vi hoạt động và sản xuất đa dạng.

Củng cố và xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty gọn nhẹ nhưng thực sự tinh nhuệ, đủ mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng để đảm đương và hoàn thành các công việc thật sự chất lượng, hiệu quả.

3.2. Chiến lược phát triển trong sản xuất kinh doanh

Chiến lược phát triển khâu thương mại: Mua bán cát, đá nhân tạo:

Những năm gần đây, việc sử dụng cát nhân tạo hay còn gọi là cát nghiền đá vôi, đá granit, đá bazan... đang trở thành một xu hướng tất yếu khi mà nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, nhỏ đã sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên, trước vùng nguyên liệu khai thác cát tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Mặc dù nhu cầu sử dụng cát cho xây dựng và san lấp rất lớn, nhưng sản lượng khai thác cát tự nhiên không còn nhiều, cộng với việc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt rà soát, giám sát

và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân khai thác cát lậu lại càng làm cho nguồn cung cát tự nhiên bị thu hẹp. Việc sử dụng cát nhân tạo, dưới góc nhìn của các chuyên gia kinh tế xây dựng, sẽ góp phần làm giảm thất thoát, lãng phí, tiết kiệm chi phí cho công trình trước tình hình biến động không ổn định của giá cát tự nhiên.

Theo đó, Công ty đang nỗ lực phát triển ngành thương mại: mua bán đá, cát nhân tạo để tăng doanh thu và đem lại lợi nhuận về Công ty.

3.3. Chiến lược đầu tư, đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao thu nhập CBCNV, có cơ chế ưu đãi khuyến khích động viên cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật khi phải đảm nhận nhiệm vụ, đảm đương các công việc có tính chất phức tạp và nằm tại các vùng khó khăn, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện và môi trường làm việc để mỗi cá nhân có cơ hội tự phát triển, hoàn thiện, nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình.

Thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng cán bộ, trình độ chuyên môn.

Hợp tác đào tạo hoặc gửi đi đào tạo khối công nhân kỹ thuật để có thể tiếp cận và vận hành các dây chuyền sản xuất mới, hiện đại.

3.4. Chiến lược huy động vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần:

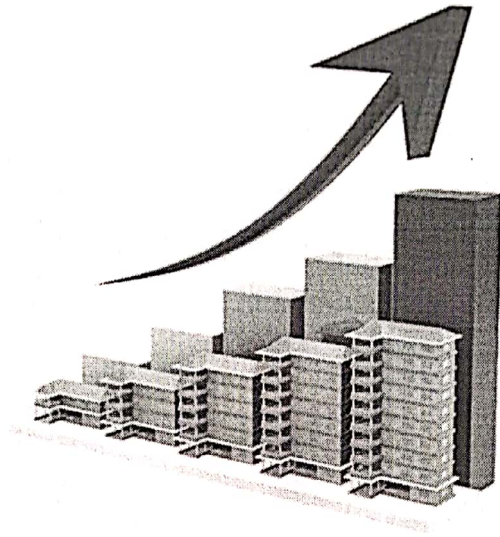
Huy động nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng mà Công ty đang triển khai.

3.5. Công tác tài chính

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp. hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2022 và những năm tới.

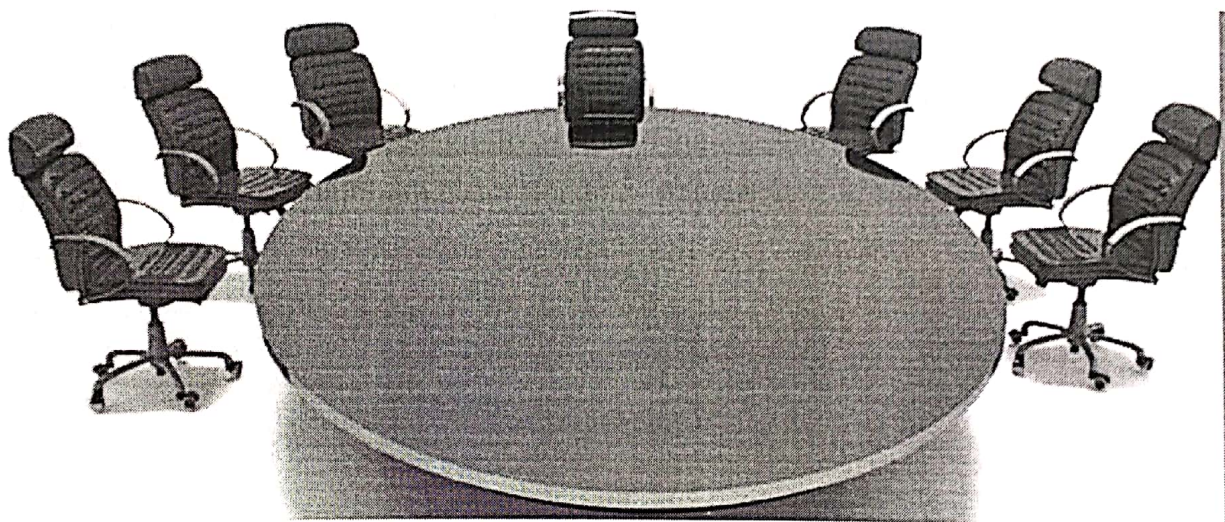
3.6. Công tác tổ chức

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.
- Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên Công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.



II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Công tác phát triển Công ty

Hiện tại lĩnh vực chủ yếu của SCC là kinh doanh đá xây dựng, cát nhân tạo đây là những lĩnh vực có nhiều triển vọng và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước. Những năm gần đây, việc sử dụng cát nhân tạo hay còn gọi là cát nghiền đá vôi, đá granit, đá bazan... đang trở thành một xu hướng tất yếu khi mà nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, nhỏ đã sử dụng cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên, trước vùng nguyên liệu khai thác cát tự nhiên ngày càng bị thu hẹp.

Mặc dù nhu cầu sử dụng cát cho xây dựng và san lấp rất lớn, nhưng sản lượng khai thác cát tự nhiên không còn nhiều, cộng với việc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt rà soát, giám sát và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân khai thác cát lậu lại càng làm cho nguồn cung cát tự nhiên bị thu hẹp. Việc sử dụng cát nhân tạo, dưới góc nhìn của các chuyên gia kinh tế xây dựng, sẽ góp phần làm giảm thất thoát, lãng phí, tiết kiệm chi phí cho công trình trước tình hình biến động không ổn định của giá cát tự nhiên. Trong những năm tới, Công ty đã đề ra chiến lược gia tăng sản xuất kinh doanh như phát triển nguồn nhân lực, huy động vốn, tiếp tục củng cố, kiện toàn cũng như mở rộng ngành nghề. Với định hướng này, Công ty có thể kết hợp sức mạnh truyền thống của mình trong lĩnh vực xây lắp với sức mạnh cũng như thời cơ trong việc kinh doanh bất động sản để hoà cùng sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn Công ty với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- Năm 2021 Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- Năm 2021 Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

1.3. Công tác tổ chức

- Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- Ban hành các Quy chế quản lý Công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị Công ty khoa học, hiệu quả.

- Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc đứng đầu là Tổng giám đốc Công ty đã điều hành linh hoạt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và là người đại diện trước pháp luật đã điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

Tổng giám đốc đã phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chỉ đạo các phòng ban rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; Nắm bắt và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đã hoàn thành xuất sắc, đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT cụ thể như các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, công tác an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiện và đảm bảo cổ tức cho cổ đông...

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.
- Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.
- Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.
- Các cuộc họp của HĐQT như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT/SCC	10/03/2021	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
2	02/2021/NQ-HĐQT/SCC	15/04/2021	Lùi ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
3	03/2021/NQ-HĐQT/SCC	28/4/2021	Lùi ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
4	15.05/NQ-HĐQT	15/05/2021	Thông qua vấn đề cho Công ty CP Thành Đồng Hòa Bình mượn tài sản Công ty để thế chấp vay ở Ngân hàng
5	08.06/2021/NQ-HĐQT	08/06/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
6	03.11/2021/QĐ-HĐQT	4/11/2021	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
7	02.2021/NQ-ĐHĐCĐ	26/12/2021	Thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

1.2. Cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT-	0	0%
2	Nguyễn Tự Hào	Thành viên HĐQT	44.000	0,9%
3	Dương Đình Khôi	Thành viên HĐQT	0	0%

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Đình Văn Giao	Trưởng Ban BKS	0	0%
2	Trần Thị Oanh	Thành viên BKS	0	0%
3	Nguyễn Cáp Tiến Đạt	Thành viên BKS	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do HĐQT và Tổng giám đốc Công ty ban hành.

BKS đã tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT cùng HĐQT xây dựng định hướng cho SXKD đầu tư XDCB đạt hiệu quả.

3. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	Số tiền(đ/người/tháng)
Thù lao của Chủ tịch HĐQT	0 đồng
Thù lao của Thành viên HĐQT	0 đồng
Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát	0 đồng
Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT	0 đồng

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Không có

Số TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1							

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Thực hiện theo đúng quy chế quản trị Công ty, điều lệ tổ chức hoạt động và quy định của pháp luật.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

1. Ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư SHB tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

(Có báo cáo tài chính kèm theo)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

